

Số: **8063** /BC-BKHĐT

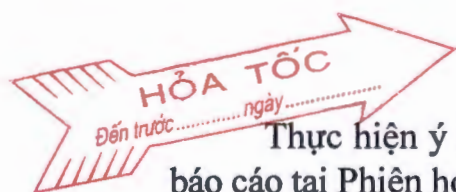
Hà Nội, ngày **28** tháng 9 năm 2023

## **BÁO CÁO**

### **Về kết quả thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia 9 tháng đầu năm 2023**

*(Tài liệu báo cáo Phiên họp Chính phủ tháng 9 năm 2023)*

Kính gửi: Chính phủ.



Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về chuẩn bị nội dung báo cáo tại Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 9 năm 2023; trên cơ sở báo cáo của các cơ quan chủ chương trình và địa phương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Chính phủ về tình hình thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trong 9 tháng đầu năm 2023 như sau:

#### **I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2023**

##### **1. Công tác hoàn thiện thể chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia**

- Tại trung ương, đến ngày 28 tháng 9 năm 2023, hệ thống văn bản quy định, hướng dẫn đã được ban hành đầy đủ, đồng bộ, đảm bảo cơ sở pháp lý cho triển khai tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, cụ thể: đã hành **34 văn bản quy phạm pháp luật<sup>1</sup>** (bao gồm: 03 Nghị định của Chính phủ, 10 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 21 Thông tư cấp bộ); **75 văn bản thông thường** để quy định, hướng dẫn thực hiện các nội dung, dự án thành phần thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia (bao gồm: 18 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 57 văn bản cấp bộ).

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành đã khẩn trương nghiên cứu sửa đổi, hoàn thiện các thông tư và ban hành văn bản hướng dẫn để đảm bảo tính đồng bộ, từ đó, các địa phương có cơ sở đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Qua rà soát đến thời điểm báo cáo, một số văn bản đang được các bộ, cơ quan nghiên cứu ban hành bao

<sup>1</sup> Trong đó: Có 02 Nghị định của Chính phủ quy định về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; có 02 Thông tư của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định, hướng dẫn về đào tạo nghề và việc làm áp dụng chung cho cả 03 chương trình; có 01 Thông tư của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng kinh phí và quyết toán kinh phí sự nghiệp áp dụng chung cho cả 03 chương trình.



gồm: *(i)* Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ; *(ii)* Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Tại địa phương, đến ngày 28 tháng 9 năm 2023, các địa phương đã cơ bản ban hành đầy đủ các văn bản quản lý, điều hành theo thẩm quyền phân cấp quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ, đồng thời, các địa phương cũng tích cực, khẩn trương sửa đổi, bổ sung một số văn bản đã ban hành do Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ đã tăng cường phân cấp cho các địa phương chủ động quyết định một số nội dung để đảm bảo phù hợp tình hình thực tiễn và đặc thù của vùng, miền. Kết quả cụ thể như sau:

+ Kết quả ban hành các văn bản bắt buộc theo quy định, trong đó: *(i)* 52/52 địa phương<sup>2</sup> được hỗ trợ từ ngân sách trung ương đã hoàn thành việc ban hành quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; *(ii)* 46/63 địa phương<sup>3</sup> đã ban hành quy định về cơ chế lồng ghép, huy động các nguồn vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại Nghị quyết số 25/2021/QH15 của Quốc hội; *(iii)* 63/63 địa phương đã ban hành quy định về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (trong đó: có 49 địa phương đã ban hành quy định riêng về phân cấp, các địa phương còn lại ban hành quy định phân cấp lồng ghép tại các quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ, giao kế hoạch vốn, dự toán ngân sách nhà nước); *(iv)* 49/63 địa phương<sup>4</sup> đã ban hành cơ chế tổ chức thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất; *(v)* 59/63 địa phương đã ban hành các văn bản cụ thể hóa Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới các cấp giai đoạn 2021-2025<sup>5</sup> theo quy định.

+ Kết quả ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù (không bắt buộc):

Nhiều địa phương đã lựa chọn ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù nhằm tăng cường phân cấp, trao quyền cho cấp cơ sở, người dân tham gia thực hiện các chương trình (thuộc nhóm cơ chế, chính sách không bắt buộc), trong đó: *(i)* 41/63 địa phương<sup>6</sup> đã ban hành văn bản thực hiện cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư đối với dự án quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp (bao gồm 22 địa phương

<sup>2</sup> Các địa phương tự cân đối ngân sách chủ động bố trí vốn ngân sách địa phương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

<sup>3</sup> Các địa phương nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương chưa hoàn thành ban hành cơ chế lồng ghép theo quy định tại Nghị quyết số 25/2021/QH15 gồm: Nam Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận, Long An, Tiền Giang.

<sup>4</sup> Các địa phương nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương chưa ban hành, hoặc không ban hành quy định về cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất: Nam Định, Thái Bình, Phú Yên, Bình Thuận.

<sup>5</sup> Các địa phương chưa ban hành: Lào Cai, Yên Bái, Lai Châu, Điện Biên.

<sup>6</sup> Các địa phương: Hà Giang, Tuyên Quang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Lào Cai, Thái Nguyên, Bắc Cạn, Phú Thọ, Bắc Giang, Hòa Bình, Sơn La, Lai Châu, Điện Biên, Hưng Yên, Vĩnh Phúc, Nam Định, Ninh Bình, Thái Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Ninh Thuận, Đắk Lắk, Đắk Nông, Gia Lai, Kon Tum, Lâm Đồng, Bình Dương (chỉ thực hiện đặc thù khoán công trình dưới 500 triệu cho cộng đồng tự thực hiện), Long An, Bến Tre, Sóc Trăng, Đồng Tháp, Kiên Giang, Cà Mau.



đã ban hành đủ 06 loại văn bản quy định chi tiết các nội dung áp dụng cơ chế đặc thù; 19 địa phương đang hoàn thiện các quy định về quản lý, vận hành, bảo trì công trình); (ii) 45/63 địa phương<sup>7</sup> ban hành cơ chế huy động nguồn vốn khác thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; (iii) 35/63 địa phương<sup>8</sup> đã ban hành cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật để luân chuyển trong cộng đồng trong thực hiện cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng; (iv) Hầu hết các địa phương đã ban hành các chính sách của địa phương thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững (như: hỗ trợ thẻ bảo hiểm y tế, hỗ trợ miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; hỗ trợ tiền điện, trợ giúp pháp lý; hỗ trợ đào tạo nghề, kết nối việc làm), đầu tư hạ tầng xây dựng nông thôn mới, hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ổn định đời sống, phát triển kinh tế.

## **2. Công tác chỉ đạo, điều hành và giám sát, đánh giá thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia**

- Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thường xuyên quan tâm, chỉ đạo sát sao, quyết liệt đối với công tác triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Trong 9 tháng đầu năm 2023, Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương liên tục ban hành các văn bản chỉ đạo đôn đốc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, đồng thời đề ra các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương đẩy nhanh việc giải ngân nguồn vốn của 03 chương trình. Bên cạnh đó, tại các buổi làm việc của Lãnh đạo Chính phủ, các bộ, cơ quan trung ương với các địa phương về đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, việc tổ chức thực hiện, giải ngân các chương trình mục tiêu quốc gia luôn là nội dung quan trọng, được quan tâm hàng đầu và đặt ra yêu cầu cao nhất.

- Trong 9 tháng đầu năm 2023, Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang - Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương đã chủ trì nhiều cuộc họp trực tiếp và trực tuyến với các bộ, cơ quan trung ương, địa phương để tiếp tục xử lý các khó khăn, vướng mắc, đồng thời, đôn đốc tiến độ triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Trưởng Ban Chỉ đạo và các thành viên Ban Chỉ đạo Trung ương đã tổ chức nhiều đoàn kiểm tra thực địa để tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc tiến độ thực hiện các chương trình.

- Các cơ quan: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan chủ chương trình, chủ dự án thành phần đã ban hành các văn bản, chủ động tổ chức các hội nghị, hội thảo, các đoàn công tác, tổ chuyên gia để kiểm tra, đôn đốc nắm bắt tình hình và hướng dẫn thực hiện các chương trình. Bên cạnh đó, các bộ, cơ

<sup>7</sup> Các địa phương: Hà Giang, Tuyên Quang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Lào Cai, Yên Bái, Thái Nguyên, Bắc Cạn, Phú Thọ, Bắc Giang, Hòa Bình, Sơn La, Lai Châu, Điện Biên, Hà Nội, Vĩnh Phúc, Ninh Bình, Thái Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Đắk Lắk, Đắk Nông, Gia Lai, Kon Tum, Lâm Đồng, Bình Phước, Tây Ninh, Trà Vinh, Cần Thơ, Vĩnh Long, Hậu Giang, Sóc Trăng, An Giang, Đồng Tháp, Bạc Liêu, Cà Mau.

<sup>8</sup> Các địa phương: Hà Giang, Tuyên Quang, Lạng Sơn, Lào Cai, Yên Bái, Thái Nguyên, Bắc Cạn, Bắc Giang, Hòa Bình, Sơn La, Lai Châu, Điện Biên, Vĩnh Phúc, Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Ninh Thuận, Đắk Lắk, Đắk Nông, Gia Lai, Kon Tum, Lâm Đồng, Bình Phước, Tây Ninh, Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Hậu Giang, Sóc Trăng, An Giang, Đồng Tháp, Cà Mau.



quan trung ương và địa phương đã tích cực phối hợp chuẩn bị các báo cáo, tài liệu phục vụ các Đoàn giám sát của Quốc hội về tình hình thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2023.

- Thông qua công tác chỉ đạo, điều hành của Ban Chỉ đạo Trung ương đã kịp thời nắm bắt, tham mưu cho Chính phủ, Lãnh đạo Chính phủ nhiều giải pháp chỉ đạo, điều hành tại các Nghị quyết phiên họp Chính phủ thường kỳ hằng tháng, Hội nghị trực tuyến với các địa phương, chỉ thị, công điện, văn bản chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ về xử lý các vướng mắc, khó khăn, quyết định việc sửa đổi, bổ sung những cơ chế chính sách còn bất cập để tháo gỡ vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình.

- Tại các địa phương, công tác kiểm tra, đôn đốc, giám sát tiến độ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia của Ban Chỉ đạo các cấp được triển khai thường xuyên, có sự tham gia, phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành. Qua đó đã giúp lãnh đạo các địa phương chủ động xử lý vướng mắc theo thẩm quyền và kịp thời tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền những vướng mắc, khó khăn, bất cập, đề xuất giải pháp phù hợp thực tiễn.

### **3. Một số kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ các chương trình mục tiêu quốc gia đến hết tháng 9 năm 2023**

- Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

+ Mục tiêu về tỷ lệ giảm nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số: Bình quân đạt **3,4%** (đạt so với mức trên 3% mục tiêu kế hoạch giao).

+ Nhóm mục tiêu về cải thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội ở các xã đặc biệt khó khăn (khu vực III) và thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Tỷ lệ thôn có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa đạt 89,5% (vượt so với mức 70% mục tiêu kế hoạch giao), Tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 94% (vượt so với mức 90% mục tiêu kế hoạch giao).

+ Nhóm mục tiêu về công tác giáo dục: Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi học tiểu học đến trường đạt 98,6% (vượt so với mục tiêu kế hoạch 97% giao), Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi học trung học cơ sở đến trường đạt 95,8% (vượt so với mục tiêu kế hoạch 95% giao), Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi học trung học phổ thông đến trường đạt 70,3% (vượt so với mục tiêu kế hoạch 60% giao), Tỷ lệ người từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông đạt 92,1% (vượt so với mục tiêu kế hoạch 90% giao).

- Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững

+ Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều năm 2022 là 4,03%, giảm 1,17%, đạt mục tiêu quy định tại Quyết định số 90/QĐ-TTg; đạt chỉ tiêu Quốc hội, Chính phủ giao.



+ Tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số năm 2022 là 21,02%, giảm 4,89% so với năm 2021, đạt mục tiêu quy định tại Quyết định số 90/QĐ-TTg.

+ Tỷ lệ hộ nghèo trên 74 huyện nghèo là 38,62% (*giảm 6,35%*) đạt chỉ tiêu Quốc hội, Chính phủ giao (4%).

+ Ước tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều năm 2023 còn 2,93%, (*giảm 1,1%*); tỷ lệ hộ nghèo tại các huyện nghèo còn khoảng 33% (*giảm 5,62%*); tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số còn khoảng 17,82% (*giảm 3,2%*), đạt chỉ tiêu Quốc hội, Chính phủ giao.

- Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (NTM)

+ Đến nay, cả nước có 6.043/8.167 xã (74%) đạt chuẩn NTM (*tăng 0,15% so với tháng 8/2023*), trong đó, có 1.528 xã đạt chuẩn NTM nâng cao (*tăng 07 xã so với tháng 8/2023*) và 230 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu (*tăng 05 xã so với tháng 8/2023*); bình quân cả nước đạt 16,9 tiêu chí/xã.

+ Có 265 đơn vị cấp huyện thuộc 58 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành nhiệm vụ/đạt chuẩn NTM (*tăng 01 đơn vị so với tháng 8/2023, chiếm 41,1% tổng số đơn vị cấp huyện của cả nước*).

+ 20 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có 100% số xã đạt chuẩn NTM<sup>9</sup>, có 05 tỉnh (*Nam Định, Đồng Nai, Hà Nam, Hưng Yên và Hải Dương*) đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM.

+ Cả nước đã có 63/63 tỉnh, thành phố đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP, đến tháng 9/2023, đã có 10.323 sản phẩm OCOP đạt 3 sao trở lên, trong đó 67,3% sản phẩm 3 sao, 31,2% sản phẩm 4 sao, 0,8% sản phẩm tiềm năng 5 sao và 42 sản phẩm 5 sao. Đã có 5.361 chủ thể OCOP, trong đó có 38,1% là HTX, 24,2% là doanh nghiệp, 34,9% là cơ sở sản xuất/hộ kinh doanh, còn lại là tổ hợp tác.

#### **4. Về tình hình phân bổ, giao kế hoạch và giải ngân vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia**

##### ***a) Về phân bổ, giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 của các chương trình mục tiêu quốc gia***

Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 của 03 chương trình mục tiêu quốc gia đã được cấp có thẩm quyền thông qua là 102.050 tỷ đồng (*bao gồm: 100.000 tỷ đồng vốn trong nước<sup>10</sup>, 2.050 tỷ đồng vốn nước ngoài<sup>11</sup>*).

Trên cơ sở các Nghị quyết số 517/NQ-UBTVQH ngày 22 tháng 5 năm

<sup>9</sup> Hà Nội, Hải Phòng, Hưng Yên, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hà Nam, Nam Định, Thái Bình, Hải Dương, Ninh Bình, Quảng Ninh, Đà Nẵng, Lâm Đồng, Tp. Hồ Chí Minh, Bà Rịa-Vũng Tàu, Bình Dương, Đồng Nai, Cần Thơ, Bạc Liêu, Trà Vinh

<sup>10</sup> Theo Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội.

<sup>11</sup> Được bổ sung theo quy định tại Nghị quyết số 659/NQ-UBTVQH ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.



2022, số 659/NQ-UBTVQH ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Nghị quyết số 93/2023/QH15 ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ đã giao 102.025 tỷ đồng (đạt 100% kế hoạch) vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 (tại các Quyết định: số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022, số 147/QĐ-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2023, số 888/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ) cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương.

Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương đã hoàn thành việc phân bổ, giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của 03 chương trình mục tiêu quốc gia theo Nghị quyết số 517/NQ-UBTVQH, số 659/NQ-UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho các cơ quan, đơn vị, cấp trực thuộc.

***b) Về thông báo mức vốn sự nghiệp nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2024-2025***

Thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ, Bộ Tài chính<sup>12</sup> đã thông báo số kiểm tra tổng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2024-2025 của từng chương trình mục tiêu quốc gia; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội<sup>13</sup> đã thông báo vốn sự nghiệp giai đoạn 2024-2025 của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương; Ủy ban Dân tộc<sup>14</sup>, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang chủ trì, phối hợp với các cơ quan chủ dự án thành phần hoàn thiện phương án phân bổ để thông báo cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương.

***c) Về tình hình phân bổ, giao kế hoạch vốn năm 2023 của các chương trình mục tiêu quốc gia***

- Thực hiện Nghị quyết số 70/2022/QH15 ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ đã giao 48.355,812 tỷ đồng vốn ngân sách trung ương năm 2023 (bao gồm: 24.216,812 tỷ đồng vốn đầu tư phát triển, 24.119 tỷ đồng kinh phí sự nghiệp) cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023 (tại các Quyết định: số 1506/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2022 và số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ), đạt 97,6% tổng kế hoạch vốn.

Phương án phân bổ kế hoạch đầu tư vốn nguồn ngân sách trung ương còn lại năm 2023 của các chương trình mục tiêu quốc gia là 1.208,188 tỷ đồng (bao gồm: 183,188 tỷ đồng vốn trong nước của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; 1.025 tỷ đồng

<sup>12</sup> Tại các văn bản số 7552/BTC-NSNN, số 7562/BTC-NSNN, số 7569/BTC-NSNN ngày 21 tháng 7 năm 2023 về thông báo số kiểm tra ngân sách nhà nước năm 2024, dự kiến trần chi ngân sách nhà nước giai đoạn 2024-2026.

<sup>13</sup> Tại văn bản số 3450/LĐTBXH-VPQGGN ngày 24 tháng 8 năm 2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

<sup>14</sup> Ủy ban Dân tộc đã có văn bản gửi các bộ, cơ quan trung ương đề xuất phối hợp xây dựng phương án phân bổ vốn sự nghiệp nguồn ngân sách trung ương của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tại văn bản số 1347/UBND-CTMTQG ngày 01 tháng 8 năm 2023, số 1399/UBND-CTMTQG ngày 09 tháng 8 năm 2023.



vốn nước ngoài của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới) đã được Quốc hội khóa XV quyết nghị tại Nghị quyết số 93/2023/QH15 ngày 22 tháng 6 năm 2023. Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có Tờ trình số 494/TTr-BKHĐT ngày 06 tháng 7 năm 2023, Tờ trình số 6015/TTr-BKHĐT ngày 28 tháng 7 năm 2023 trình Thủ tướng Chính phủ giao bổ sung kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương. Bộ Tài chính đang rà soát, hoàn thiện dự thảo Quyết định giao bổ sung dự toán ngân sách trung ương năm 2023 để trình Thủ tướng Chính phủ theo chỉ đạo tại văn bản số 5594/VPCP-KTTH ngày 24 tháng 7 năm 2023.

- Tại các địa phương, đến ngày 26 tháng 9 năm 2023, có 48/48 địa phương được giao kế hoạch vốn ngân sách trung ương đã giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển, dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 của 03 chương trình mục tiêu quốc gia cho các cơ quan, đơn vị và cấp trực thuộc (*Tổng số vốn đầu tư phát triển đã được phân bổ, giao kế hoạch chi tiết là 23.891,451 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 98% kế hoạch*).

**c) Về tình hình giải ngân vốn ngân sách nhà nước năm 2022 và năm 2023 của các chương trình mục tiêu quốc gia**

Theo báo cáo của Bộ Tài chính, giải ngân vốn đầu tư công giải ngân trong năm 2023 (*bao gồm cả vốn đầu tư của năm 2022 kéo dài sang năm 2023*) đạt được khoảng **18.669.204** tỷ đồng, đạt **47,81%** kế hoạch. Kết quả theo từng chương trình: (i) Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được khoảng 8.570.880 tỷ đồng, đạt 52,7% kế hoạch; (ii) Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững khoảng 4.007.572 tỷ đồng, đạt 47,2% kế hoạch; (iii) Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới khoảng 6.090.752 tỷ đồng, đạt 64% kế hoạch, trong đó:

- Đối với nguồn vốn của năm 2022 kéo dài sang năm 2023 giải ngân là 6.803.890 tỷ đồng, đạt tỷ lệ là 63,7% kế hoạch giao năm 2023 nâng số giải ngân nguồn vốn kế hoạch của năm 2022 là 19.785.958 tỷ đồng, đạt tỷ lệ là 82,44%. Kết quả giải ngân vốn đầu tư công năm 2022 kéo dài sang năm 2023 chi tiết theo từng chương trình: (i) Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được khoảng 2.826.224 tỷ đồng, đạt 59,6% kế hoạch; (ii) Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững khoảng 2.019.514 tỷ đồng, đạt 60,1% kế hoạch; (iii) Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới khoảng 1.871,123 tỷ đồng, đạt 75,8% kế hoạch.

- Đối với nguồn vốn của năm 2023: (i) Giải ngân nguồn vốn của năm 2023 là 11.865.314 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 49% kế hoạch giao năm 2023, trong đó: 10 địa phương có tỷ lệ giải ngân trên 65% kế hoạch vốn năm 2023<sup>15</sup>, 10 địa phương có tỷ lệ giải ngân dưới 50% kế hoạch vốn năm 2023<sup>16</sup>; (ii) Kết quả theo từng chương trình:

<sup>15</sup> Hậu Giang 90%, Vĩnh Long 80,9%, Lâm Đồng 74,7%, Tây Ninh 71,5%, Lạng Sơn 69,5%, Bến Tre 68,9%, Sơn La 65,8%, Yên Bái 65,8%, Sóc Trăng 65,2%, Tiền Giang 63,6%.

<sup>16</sup> Kiên Giang 16,2%, Phú Yên 17,5%, Quảng Nam 18,9%, Bạc Liêu 19%, Gia Lai 20%, Bình Định 30%, Quảng Nam 30%, Bắc Kạn 36%, Thái Bình 37%, Hoà Bình 40%, Bình Phước 40%.



Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được khoảng 5.744,655 tỷ đồng, đạt 49% kế hoạch; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững khoảng 1.988,059 tỷ đồng, đạt 37% kế hoạch; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới khoảng 3.554,275 tỷ đồng, đạt 59% kế hoạch.

### **5. Khó khăn, vướng mắc, hạn chế ảnh hưởng tới tiến độ tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia**

#### ***a) Về công tác hoàn thiện thể chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia***

- Công tác hoàn thiện thể chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia từ trung ương đến địa phương còn chưa kịp thời, đồng bộ, ảnh hưởng lớn đến việc triển khai các khâu từ phân bổ, giao kế hoạch thực hiện, tổ chức thực hiện và giải ngân vốn chương trình tại các bộ, cơ quan trung ương và địa phương. Đến nay, vẫn còn 06 địa phương chưa hoàn thành việc ban hành cơ chế lồng ghép nguồn vốn thực hiện các CTMTQG tại địa phương; còn 06 địa phương chưa ban hành quy định về mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn, định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước trong thực hiện các cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất; còn 04 địa phương chưa hoàn thành đầy đủ việc ban hành các văn bản cụ thể hóa các Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 theo phân cấp.

#### ***b) Về công tác thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của các chương trình mục tiêu quốc gia***

Còn một số nội dung, nhiệm vụ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi chưa được triển khai thực hiện, dự kiến một số mục tiêu không thể hoàn thành, cần rà soát, điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tiễn, mặt bằng pháp lý. Một số chỉ tiêu cụ thể trong thực hiện giảm nghèo bền vững còn thấp, chưa bền vững; một bộ phận nhỏ người dân vẫn còn tâm lý ỷ lại, trông chờ vào sự hỗ trợ của nhà nước, chưa có ý thức và hỗ trợ người khác vươn lên thoát nghèo bền vững. Kết quả đạt chuẩn xã nông thôn mới của một số vùng vẫn còn khoảng cách chênh lệch lớn giữa Khu vực Đồng bằng sông Hồng, Đông Nam Bộ và khu vực Miền núi phía Bắc, Tây Nguyên, vẫn còn 04 tỉnh thuộc khu vực Miền núi phía Bắc, có tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới dưới 30%, 16 huyện nghèo thuộc 12 tỉnh còn “trắng xã nông thôn mới”. Số lượng xã đặc biệt khó khăn (xã khu vực II, III) vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới rất hạn chế; chưa có huyện nghèo thuộc danh sách các huyện nghèo được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.

#### ***c) Về công tác phân bổ, giao kế hoạch, giải ngân vốn ngân sách trung ương tại các địa phương***

- Còn 05 địa phương chưa hoàn thành việc phân bổ, giao kế hoạch, dự toán



vốn ngân sách nhà nước trong khi số vốn tập trung giải ngân trong năm 2023 là rất lớn (*do có thêm nguồn vốn kéo dài từ năm 2022 chuyển sang*). Đến thời điểm báo cáo, tổng số vốn đầu tư phát triển chưa được phân bổ, giao kế hoạch chi tiết là 325,361 đồng, đạt tỷ lệ 2% kế hoạch do chưa đủ điều kiện giao theo quy định của Luật Đầu tư công<sup>17</sup>.

- Việc huy động đảm bảo nguồn lực để thực hiện Chương trình mặc dù đã đạt được những kết quả nhất định, song vẫn còn hạn chế, nhiều địa phương chưa chủ động cân đối nguồn lực đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện các chương trình. Tại Trung ương, tiến độ phân bổ, sử dụng nguồn lực thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022 còn chậm, phải báo cáo Quốc hội cho phép kéo dài thời gian thực hiện, giải ngân vốn sang năm 2023 (tại Nghị quyết số 69/2022/QH15 của Quốc hội), dồn áp lực giải ngân vốn trong năm 2023. Tại các địa phương, tiến độ phân bổ, giao dự toán, kế hoạch đầu tư vốn, danh mục dự án đầu tư công hàng năm chưa kịp thời dẫn đến tiến độ thực hiện và giải ngân vốn ngân sách nhà nước đạt tỷ lệ thấp đặc biệt là vốn sự nghiệp.

- Trong tổ chức thực hiện, khó đảm bảo thực hiện đồng thời một lúc cơ chế quản lý theo mục tiêu, lồng ghép nguồn vốn, tích hợp chính sách và quản lý, sử dụng vốn ngân sách trung ương chi tiết theo loại sự nghiệp, theo dự án, tiểu dự án thành phần từ Trung ương về địa phương trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Theo đó, cơ chế giao chi tiết dự toán chi ngân sách trung ương (vốn sự nghiệp) đảm bảo cho công tác thống kê, kiểm soát theo định mức chi tiêu ngân sách nhà nước; nhưng đã làm hạn chế sự chủ động của các địa phương trong sử dụng nguồn lực để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, không tạo điều kiện cho các địa phương thực hiện được việc lồng ghép nguồn vốn, tích hợp chính sách để thực hiện mục tiêu theo yêu cầu của Quốc hội tại Nghị quyết số 25/2021/QH15.

***d) Về công tác tổ chức thực hiện và sử dụng vốn nguồn ngân sách nhà nước trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia***

- Trong quá trình tổ chức thực hiện các chương trình, có nhiều địa phương đã rất chủ động, tích cực nghiên cứu quy định pháp luật, có nhiều giải pháp hay áp dụng tại địa phương. Tuy nhiên, vẫn còn có địa phương chưa nghiên cứu kỹ các quy định để xây dựng ban hành các quy định áp dụng tại địa phương theo thẩm quyền trong triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Kết quả giải ngân vốn các chương trình mục tiêu quốc gia, đặc biệt là giải ngân vốn sự nghiệp, chưa đạt mục tiêu đã đặt ra. Một số nội dung thuộc Dự án 3, Dự án 9 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Dự án 1, Dự án 4 của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững chưa được thực hiện, chưa giải ngân vốn ngân sách nhà nước. Do vậy, dự kiến khó hoàn thành mục tiêu giải ngân toàn bộ kế hoạch vốn (bao gồm vốn năm 2022 chuyển nguồn sang năm 2023 và kế hoạch vốn của năm 2023) ngay trong năm kế hoạch.

<sup>17</sup> Các địa phương: Tuyên Quang, Thái Bình, Thanh Hóa, Bình Thuận, Tây Ninh.



## **II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ MỘT SỐ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM THÚC ĐẨY TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRONG NĂM 2023**

1. Phát huy cao nhất vai trò của cấp ủy, chính quyền các cấp trong chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, đôn đốc và tuyên truyền đẩy nhanh tiến độ thực hiện. Tăng cường công tác phối hợp, kiểm tra, chỉ đạo, giám sát giữa các cơ quan trung ương và địa phương; hoạt động của Ban Chỉ đạo các cấp để kịp thời đôn đốc, chỉ đạo tiến độ và nắm bắt, xử lý vướng mắc khó khăn, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Thực hiện đồng bộ các giải pháp truyền thông, thông tin về chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về quản lý, triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Trong đó:

a) Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tập trung vào các nội dung:

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp truyền thông, tuyên truyền về Nghị quyết số 120/2020/QH14 của Quốc hội khoá XIV và các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc nói chung và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số nói riêng đến các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số nhằm từng bước thay đổi và chuyển biến về nhận thức trong thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc.

- Đẩy mạnh kết hợp tuyên truyền với công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ cơ sở, cộng đồng tham gia thực hiện Chương trình bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú, phù hợp với tâm lý, trình độ, khả năng thực hiện nhiệm vụ của các nhóm tham gia.

- Nghiên cứu xây dựng và tổ chức các phong trào thi đua trong thực hiện các hoạt động về thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

b) Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tập trung vào các nội dung:

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành và toàn xã hội về Nghị quyết số 24/2021/QH15 của Quốc hội khoá XV và các cơ chế chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước có liên quan nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, trong hành động để tạo sức mạnh tổng cả hệ thống chính trị và xã hội cùng thực hiện giảm nghèo bền vững.

- Đẩy mạnh, nâng cao chất lượng phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau” theo chiều sâu nhằm khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, phát huy nội lực vươn lên thoát nghèo.

c) Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tập trung các nội dung:



- Tích cực tuyên truyền sâu rộng về Nghị quyết số 25/2021/QH15 của Quốc hội khoá XV và những chủ trương đổi mới trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 tới các đối tượng thụ hưởng; đồng thời, tăng cường tổ chức các chương trình đào tạo, tập huấn về thực hiện xây dựng nông thôn mới gắn với xây dựng “Nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh”, phát triển kinh tế nông thôn theo hướng chuyển từ đơn giá trị sang đa giá trị cho cán bộ, đảng viên các cấp và toàn thể dân nhân.

- Đổi mới phương thức thực hiện, nâng cao chất lượng các phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới, phong trào “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2021-2025, cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” đi vào chiều sâu, tạo sự lan tỏa rộng lớn trong cả hệ thống chính trị và mọi tầng lớp Nhân dân.

- Cơ quan chủ chương trình tiếp tục phối hợp với Đài Truyền hình Việt Nam và các cơ quan truyền thông tại trung ương và địa phương thực hiện hiệu quả chuyên mục “Miền quê đáng sống”; các địa phương chủ động phối hợp với các cơ quan truyền thông xây dựng, phát hành các chuyên mục liên quan đến tuyên truyền, triển khai thực hiện xây dựng nông thôn mới.

3. Tại địa phương chú trọng công tác phối hợp hoạt động giữa các sở, ngành, đơn vị; Khẩn trương hoàn thành việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đã được giao và phân bổ chi tiết vốn cho các dự án; Tích cực triển khai công tác tích hợp, liên thông dữ liệu và xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về giám sát, đánh giá các chương trình mục tiêu quốc gia để có cơ sở cập nhật, đánh giá toàn diện tình hình thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

4. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện thể chế, chính sách quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia đồng bộ từ trung ương tới địa phương. Trong đó:

- Các cơ quan chủ chương trình, chủ dự án thành phần và các cơ quan có liên quan chủ động rà soát các kiến nghị, khẩn trương phối hợp chặt chẽ trong xử lý tháo gỡ vướng mắc của địa phương đảm bảo kịp thời, hiệu quả, tránh đùn đẩy trách nhiệm theo đúng quy định tại các Nghị quyết phiên họp thường kỳ hằng tháng của Chính phủ, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 23 tháng 3 năm 2023, chỉ đạo của Phó Thủ tướng Trần Lưu Quang tại văn bản số 392/TB-VPCP ngày 24 tháng 9 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ.

- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ động rà soát, khẩn trương hoàn thành việc cụ thể hóa các quy định, cơ chế chính sách thực hiện tại địa phương theo thẩm quyền phân cấp; kịp thời chỉ đạo công tác nghiên cứu, rà soát, điều chỉnh những quy định còn bất cập thuộc thẩm quyền xử lý của địa phương.

5. Tăng cường lồng ghép nguồn vốn từ các chương trình, dự án khác có cùng mục tiêu trong phân bổ, sử dụng nguồn lực tại các địa phương đảm bảo trọng tâm, trọng điểm, tránh trùng chéo, dàn trải. Các địa phương chủ động chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, cấp trực thuộc chuẩn bị tốt công tác kế hoạch năm



2024, khẩn trương hoàn thành các thủ tục phê duyệt dự án đầu tư, dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất và các nhiệm vụ khác trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia theo đúng quy định đảm bảo sử dụng vốn ngân sách nhà nước hiệu quả, tập trung, tránh dàn trải.

6. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và hoàn thiện hệ thống dữ liệu quốc gia về giám sát, đánh giá thực hiện các chương trình tại các cấp. Trong đó:

- Tăng cường thực hiện các hoạt động kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước và hoạt động của Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia tại các cấp. Định kỳ hằng tháng thực hiện việc nắm bắt tiến độ thực hiện và giải ngân nguồn vốn các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Khẩn trương hoàn thành việc tích hợp, liên thông dữ liệu về giám sát, đánh giá các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Các địa phương chủ động rà soát, tổng hợp dữ liệu thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, danh mục dự án đầu tư, kết quả giải ngân kế hoạch vốn ngân sách nhà nước hằng năm (bao gồm vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương và vốn cân đối từ ngân sách địa phương), định kỳ báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, các cơ quan chủ chương trình trước ngày 25 hằng tháng.

Trên đây là Báo cáo về tình hình thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trong 9 tháng đầu năm 2023. Bộ Kế hoạch và Đầu tư kính báo cáo Chính phủ.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TTgCP và các Phó TTgCP;
- Các cơ quan: VPCP, BTC, UBND, BLĐTBXH, BNNPTNT;
- Bộ KH&ĐT: Lãnh đạo Bộ, các Vụ KTNN, LĐVX, KĐPLT, THKTQD;
- Lưu: VT, Vụ TCTT (B). 07

**BỘ TRƯỞNG**



**Nguyễn Chí Dũng**